

Số: /BC-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Nghị quyết số 68/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 7728/BNV-VKHTCNN&LD ngày 10/9/2025 của Bộ Nội vụ về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW về một số chính sách xã hội; Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng báo cáo kết quả cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Nghị quyết số 68/NQ-CP

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu: Chi tiết tại Phụ lục I (gửi kèm theo).

2. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 42-NQ/TW); Kế hoạch số 19-KH/TW ngày 27/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW; Kế hoạch số 230-KH/BKTTW ngày 29/02/2024 của Ban Kinh tế Trung ương về theo dõi, giám sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW; Chương trình hành động số 73-CTr/TU ngày 08/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng trong đó đề ra 32 chỉ tiêu, với 9 nhóm nhiệm vụ, giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố;

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 24/6/2024 thực hiện Chương trình hành động số 73-CTr/TU ngày 08/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy; Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất

lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

3. Kết quả triển khai thực hiện các đề án, nhiệm vụ chủ yếu được giao tại Nghị quyết 68/NQ-CP

3.1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

Nhận thức được vị trí, vai trò của chính sách xã hội, ngay sau khi Nghị quyết số 42-NQ/TW được ban hành, thực hiện Chương trình hành động số 73-CTr/TU ngày 08/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng; Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 24/6/2024 thực hiện Chương trình hành động số 73-CTr/TU, trong đó cụ thể hóa thành 83 chỉ tiêu, với 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp và giao nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương trên địa bàn thành phố theo dõi, tổ chức triển khai thực hiện.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố đã tăng cường phối hợp trong quá trình thực hiện Kế hoạch bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, trách nhiệm; đồng thời tổ chức triển khai quán triệt, tuyên truyền trên trang thông tin chỉ đạo điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao nhận thức của toàn thể đảng viên, công chức, viên chức và người lao động về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới. Qua đó, khẳng định quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững; dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể; phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại, tạo động lực góp phần phát triển đất nước.

Các cơ quan báo chí trên địa bàn thành phố luôn duy trì chuyên trang, chuyên mục, đăng tin, bài và tăng thời lượng phát sóng về tuyên truyền nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW; Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”; Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển hệ thống thực hiện chính sách theo hướng dẫn của các cơ quan tham mưu xây dựng chính sách, chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương. Từ năm 2022 đến nay, Báo Hải Phòng, Chuyên đề An ninh Hải Phòng, Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng giữ vai trò chủ lực trong công tác tuyên truyền, trung bình mỗi năm đăng tải gần 900 tin, bài, ảnh.

3.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Thực hiện đồng bộ nâng mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công với cách mạng theo Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 của Chính phủ, với mức từ 2.055.000 đồng lên 2.789.000 đồng kể từ ngày 01/7/2024; thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng cho khoảng 60.000 người có công và thân nhân, với số tiền trên 198,5 tỷ đồng/tháng bảo đảm kịp thời, an toàn.

- Giải quyết tồn đọng trong chính sách người có công: Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Thành phố đã tập trung triển khai giải quyết hồ sơ về xác nhận, công nhận người có công; từ năm 2023 đến nay, đã thẩm định, xác nhận, công nhận được 988 người có công; trong đó có 853 hồ sơ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (phía Đông Hải Phòng là 415 hồ sơ, phía Tây Hải Phòng là 438 hồ sơ) và 135 hồ sơ công nhận liệt sĩ (phía Đông Hải Phòng là 115 hồ sơ, phía Tây Hải Phòng là 20 hồ sơ).

- Tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ: Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch 301/KH-CNCC ngày 27/02/2015 của Cục Người có công; Ban Chỉ đạo 515 thành phố Hải Phòng đã chỉ đạo các địa phương xây dựng triển khai kế hoạch lấy mẫu hài cốt liệt sĩ để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin, đồng thời thực hiện quy trình làm sạch, bổ sung thông tin thân nhân liệt sĩ để triển khai thực hiện thu thập mẫu ADN cho thân nhân liệt sĩ phục vụ nhiệm vụ tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

Trên địa bàn thành phố Hải Phòng hiện nay 392 nghĩa trang liệt sĩ, đài liệt sĩ và đền thờ các anh hùng liệt sĩ (phía Đông là 123, phía Tây là 269) với 65.668 mộ liệt sĩ (*phía Đông là 25.641 mộ liệt sĩ, phía Tây là 40.027 mộ liệt sĩ*), tuy nhiên vẫn còn 15.259 mộ chưa có thông tin hoặc thiếu thông tin. Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, các địa phương trên địa bàn thành phố đã tích cực tiến hành thu thập thông tin về liệt sĩ, thân nhân liệt sĩ, mộ, nghĩa trang liệt sĩ. Kết quả toàn thành phố đã tiến hành rà soát 9.126 mộ, trong đó năm 2024 thực hiện lấy mẫu đối với 128 mộ và năm 2025 thực hiện lấy mẫu đối với 138 mộ để giám định xác định danh tính hài cốt liệt sĩ. Tập trung phối hợp với Công an thành phố (Phòng PC06) triển khai Kế hoạch thu nhận mẫu ADN cho thân nhân của liệt sĩ chưa xác định được thông tin, tiến hành xác nhận danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng đối với 46 trường hợp; cấp 76 Giấy giới thiệu di chuyển hài cốt liệt sĩ. Thực hiện rà soát, hoàn thiện đối sánh, xác nhận 12 trường thông tin liệt sĩ của trên 85.600 phiếu điều tra liệt sĩ (trong đó, phía Đông là trên 35.000 phiếu, phía Tây là trên 50.600 phiếu) chuyển về địa

phương quản lý; đồng thời, thực hiện hướng dẫn, đơn đốc nhập, làm sạch dữ liệu đối với 40 trường thông tin của trên 62.100 người có công và thân nhân đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

Trong 02 năm qua, thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Thành phố đã xây dựng và triển khai kế hoạch xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn thành phố từ nân sách Trung ương, với tổng kinh phí 37,45 tỷ đồng.

Đối với công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, Thành phố đã ban hành nhiều chính sách đặc thù riêng đối với người có công, thân nhân liệt sĩ, cụ thể: (1) Nghị quyết về việc tặng quà của thành phố hàng năm nhân dịp Tết Nguyên đán, Ngày Thương binh liệt sỹ 27/7, ngày Quốc khánh 02/9; (2) Nghị quyết về hỗ trợ kinh phí đối với người có công, thân nhân liệt sĩ đi điều dưỡng tập trung; (3) Nghị quyết về hỗ trợ kinh phí điều dưỡng phục hồi sức khỏe đối với người có công với cách mạng có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80% trong năm không được thực hiện điều dưỡng; (4) Nghị quyết về hỗ trợ kinh phí xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ.

Công tác chăm sóc, tu bổ các công trình ghi công liệt sĩ, công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin được thực hiện có hiệu quả. Tổ chức, phát động các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng thực hiện tri ân gia đình người có công. Đời sống người có công được cải thiện rõ rệt; 100% hộ gia đình người có công với cách mạng có mức sống tối thiểu bằng mức trung bình cộng đồng nơi cư trú, không có người có công thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia, tiến tới 100% hộ gia đình người có công với cách mạng có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú hoàn thành mục tiêu Nghị quyết đề ra.

3.3. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

Nhận thức rõ tầm quan trọng công tác xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong các doanh nghiệp trong tình hình mới; sau khi Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới và Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư (gọi tắt là Quyết định số 416/QĐ-TTg) được ban hành; Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã ban hành Thông tri số 38-TT/TU ngày 06/12/2019 về việc thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư Trung ương

Đảng (gọi tắt là Thông tri số 38-TT/TU); Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 386/QĐ-UBND phê duyệt Đề án Phát triển Quan hệ lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025, trong đó giao các cấp, các ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án. Các sở, ban, ngành, địa phương đã xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nhằm cụ thể hóa các mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng đơn vị; đồng thời phát động nhiều phong trào thi đua, phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến, cách làm hay trong việc tuyên truyền, vận động thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg, Thông tri số 38-TT/TU.

Cơ cấu lao động thành phố chuyển dịch theo hướng tích cực đúng với định hướng phát triển của thành phố. Lao động trong các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng hàng năm, lao động trong ngành nông - lâm nghiệp và thủy sản giảm dần. Từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức và tăng cơ hội việc làm bền vững cho người lao động.

Mở rộng tín dụng chính sách xã hội hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, cụ thể: Hàng năm, tiếp tục mở rộng rà soát đối tượng thụ hưởng cho phù hợp với tình hình thực tế và tăng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người bị ảnh hưởng do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và các nhóm đối tượng yếu thế, lao động có hoàn cảnh khó khăn khác, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các Quyết định phân bổ nguồn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay giải quyết việc làm. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công; đổi mới chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện. Việc tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại thành phố những năm qua luôn được Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị liên quan và sự chỉ đạo quyết liệt đồng bộ của cấp ủy, chính quyền các địa phương. Bên cạnh đó, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, Luật An toàn, vệ sinh lao động ... đã tương đối đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội

3.4. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

Thành phố đã triển khai hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bảo đảm bền vững và công bằng xã hội. Chú trọng thực hiện, phát triển chính sách bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, bao phủ toàn bộ lực lượng lao động. Tiếp tục nghiên cứu, có chính sách mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế; Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

Triển khai hiệu quả hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả về đời sống vật chất, tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. Tiếp tục nghiên cứu nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức quy định của Trung ương theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu và mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách; ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp. Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đối tượng bảo trợ xã hội; khuyến khích thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập; đảm bảo đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp cả về chất lượng và số lượng; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững. Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn công tác giảm nghèo với xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho hộ nghèo; nghiên cứu cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo không còn khả năng lao động, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, giúp giảm nghèo bền vững.

3.5. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

a) Về giáo dục và đào tạo:

Các hoạt động tuyên truyền về lợi ích của học tập suốt đời được triển khai sâu rộng, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về việc học tập thường xuyên, học tập suốt đời. Các mô hình “công dân học tập”, “gia đình học tập”, “dòng họ học tập”, “đơn vị học tập” tiếp tục được nhân rộng. Đến năm 2024, mô hình “gia đình học tập” đạt 90,2%; mô hình “dòng họ học tập” đạt 90,43%; mô hình “cộng đồng học tập” cấp thôn, tổ dân phố đạt 87%; mô hình “Đơn vị học tập” cấp xã đạt 89,1%; toàn thành phố hiện có 339.299 tài khoản đăng ký trên hệ thống congdanhoctap.vn. Năm 2024, toàn thành phố có 26 đơn vị được công nhận là đơn vị học tập cấp tỉnh mức độ 1 và 04 đơn vị được công nhận đạt đơn vị cấp tỉnh mức độ 2 theo Thông tư 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hệ thống trung tâm học tập cộng đồng được duy trì và mở rộng, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập từ xa và học trực tuyến, thúc đẩy cộng đồng học tập trên toàn thành phố. Hằng năm, các trung tâm đã phối hợp thực hiện hàng trăm chuyên đề nâng cao kiến thức chính trị, kinh tế, pháp luật, sức khỏe, vệ sinh môi trường... cho hàng nghìn lượt người dân. Bên cạnh đó, chính sách hỗ trợ học tập cho các đối tượng yếu thế như lao động phổ thông, nông dân, người cao tuổi cũng được chú trọng, với sự huy động nguồn lực xã hội vào phát triển giáo dục không chính quy. Những kết quả đạt được không chỉ góp phần nâng cao dân trí, giảm tỷ lệ mù chữ, nâng cao tỷ lệ phổ cập giáo dục, mà còn thúc đẩy năng suất lao động và xây dựng nền văn hóa học tập trong cộng đồng, từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng xã hội học tập bền vững. Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên toàn thành phố được giữ vững trong nhóm dẫn đầu cả nước, 100% số xã, phường, đặc khu đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%, số người trong độ tuổi 15 - 25 biết chữ mức độ 1 và 2 đạt trên 99%; số người trong độ tuổi 15 - 35 biết chữ mức độ 1 đạt tỷ lệ 99,93%; mức độ 2 là 99,92%; số người trong độ tuổi 15 - 60 biết chữ mức độ 1 đạt tỷ lệ 99,91%; mức độ 2 là 99,74%; hàng năm, quận, huyện, thị xã, thành phố đạt phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3; phổ cập THCS đạt mức độ 3, phổ cập THPT và nghề đạt 2 tiêu chí huy động và hiệu quả.

b) Về y tế:

Gắn với thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị và Nhân dân về đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Thành phố

chú trọng nâng cao sức khỏe nhân dân, đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển. Thành phố ưu tiên đầu tư ngân sách và có cơ chế, chính sách huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; tổ chức cung cấp dịch vụ công, đảm bảo các dịch vụ cơ bản; đồng thời khuyến khích hợp tác công - tư, đầu tư tư nhân, cung các dịch vụ theo yêu cầu.

Bảo đảm tình trạng dinh dưỡng của Nhân dân được cải thiện rõ rệt, các gia đình trước hết là bà mẹ và trẻ em được nuôi dưỡng và chăm sóc hợp lý, bữa ăn của người dân ở tất cả các vùng đủ hơn về số lượng, cải thiện về chất lượng để cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho từng đối tượng, địa phương góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật hạn chế các vấn đề sức khỏe liên quan đến dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người Việt Nam.

Thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng chống các bệnh truyền nhiễm mới nổi: Bệnh Đậu mùa khỉ, Cúm A/H5N1, Ebola, Mers-CoV, sốt vàng...theo điều lệ kiểm dịch y tế. Chủ động giám sát, phát hiện, kiểm soát dịch bệnh Mác-bóc xâm nhập vào nước ta. Quản lý nhà nước chặt chẽ, hiệu quả về công tác an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn thành phố, không để xảy ra vụ ngộ thực phẩm tập thể nghiêm trọng. 100% số vụ ngộ độc được điều tra và xử lý kịp thời. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, triển khai đồng độ các giải pháp để hạn chế tình trạng nằm ghép, đẩy mạnh áp dụng các kỹ thuật mới nhằm giảm ngày điều trị trung bình. Chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh tăng cường quản lý và kiểm soát chi phí khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh nhằm bảo toàn Quỹ Khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế... Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, xây dựng cơ sở y tế “Xanh - Sạch - Đẹp - Thân thiện” và giảm thiểu chất thải nhựa; Xây dựng chỉ số đánh giá chất lượng chăm sóc người bệnh; Chỉ số đánh giá kết quả làm việc của cán bộ công chức, viên chức trong tổ chức/đơn vị. Nâng cao chất lượng Trung tâm vận chuyển cấp cứu 115 để đáp ứng kịp thời và đầy đủ các yêu cầu y tế khẩn cấp trong mọi tình huống như thiên tai, thảm họa, thương vong, ngộ độc hàng loạt trên địa bàn dân cư, vùng biển đảo và các vùng lân cận đồng thời chi viện y tế đột xuất phục vụ an ninh và quốc phòng.

c) Về phát triển văn hoá:

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, gia đình phong phú, đa dạng, tạo được không khí vui tươi, sôi nổi, rộng khắp trên toàn thành phố, thiết thực chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị của đất nước và thành phố; đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật của người dân, cao điểm là vào các dịp: Tết Nguyên đán, ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày

Giải phóng Miền Nam thống nhất Đất nước, ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày Quốc tế Hạnh phúc, ngày Thể thao Việt Nam. Thành phố tổ chức thành công các hoạt động chào mừng Lễ hội Hoa Phượng Đỏ - Hải Phòng gắn với kỷ niệm Ngày Giải phóng Hải Phòng với chủ đề “Hải Phòng - Tỏa sáng miền cửa biển” năm 2023; năm 2024, Chương trình nghệ thuật Đêm hội “Hải Phòng – Bùng sáng miền di sản” chào mừng kỷ niệm 69 năm Ngày giải phóng Hải Phòng và đón nhận danh hiệu di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà của Ủy ban Di sản Thế giới UNESCO, tổ chức tại Quảng trường phía trước Trung tâm Chính trị - Hành chính tại Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm; Lễ Kỷ niệm 70 năm ngày Hải Phòng giải phóng và Lễ hội Hoa Phượng Đỏ - Hải Phòng năm 2025.

Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, vở diễn thuộc Đề án sân khấu truyền hình. Thực hiện thành công các chương trình, vở diễn sân khấu truyền hình, các chương trình được truyền hình trực tiếp hoặc ghi hình phát sóng; buổi biểu diễn miễn phí phục vụ nhân dân trên địa bàn thành phố. Hoạt động lưu diễn vào thời điểm diễn ra các sự kiện chính trị đã tạo được không khí sôi nổi trong toàn địa bàn, góp phần to lớn trong công tác tuyên truyền và khẳng định rõ hơn sự quan tâm của lãnh đạo thành phố đối với đời sống tinh thần của Nhân dân. Đặc biệt chương trình Sân khấu truyền hình đã đến được với người lao động trong các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu vực có đông người lao động cư trú, ngoài việc thể hiện sự quan tâm sâu sắc tới đời sống tinh thần cho người lao động của lãnh đạo thành phố còn là một trong những hoạt động minh chứng thành phố đang thực hiện có hiệu quả việc thu hẹp khoảng cách về mọi mặt giữa thành thị và nông thôn, và ưu thế cạnh tranh lành mạnh trong thu hút đầu tư. Chương trình đã nhận được sự hưởng ứng, đánh giá cao của cán bộ và đông đảo khán giả xem trực tiếp cũng như trên sóng truyền hình và tiếp sóng của một số đài tỉnh bạn về hình thức, nội dung tư tưởng, và chất lượng nghệ thuật. Các tác phẩm đều đã qua quy trình lựa chọn, thẩm định theo quy định của Đề án, đặc biệt nhiều chương trình được Hội đồng gồm các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực lịch sử và nghệ thuật biểu diễn của Trung ương, Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật thành phố và một số nghệ sỹ có kinh nghiệm, nổi tiếng, thẩm định kịch bản tổng thể nhằm đưa đến cho khán giả những chương trình, vở diễn chất lượng cao. Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện đề án, làm cơ sở để trình thành phố phê duyệt cho năm tiếp theo. Với việc tổ chức thực hiện Kế hoạch sáng đèn Nhà hát từ tháng 6/2023 đến nay đã có trên 100 buổi biểu diễn ngoài việc nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân và du khách, khơi dậy truyền thống cách mạng, bề dày lịch sử; khẳng định vị thế, tiềm năng của thành phố trong xu thế hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, chủ động hội nhập quốc tế còn hình thành sản phẩm văn hóa nghệ thuật độc đáo

mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc góp phần phát triển kinh tế ban đêm của thành phố.

Tiếp tục tổ chức Chương trình Âm nhạc đường phố với mục tiêu góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần trong nhân dân, tạo không khí vui tươi, phấn khởi thúc đẩy lao động sản xuất, tích cực xây dựng đời sống kinh tế góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội, đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của nhân dân thành phố và du khách. Năm 2024, thành phố phê duyệt Đề án biểu diễn nghệ thuật đường phố, đã tổ chức được 37 chương trình phục vụ nhân dân tại các điểm như: Sân cột cờ, bờ hồ Tam Bạc, vườn hoa Nguyễn Trãi, Cung văn hóa Thiếu nhi, phố đi bộ Thê Lữ.

Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp tham gia các Chương trình biểu diễn nghệ thuật của thành phố. Thực hiện các chương trình, vở diễn thuộc Đề án sân khấu truyền hình và tổ chức lưu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân tại các xã, phường, ngoại thành, vùng sâu, vùng xa và hải đảo, phục vụ công nhân lao động tại các Khu công nghiệp được đông đảo khán giả đón nhận; tham gia Liên hoan toàn quốc hàng năm đạt nhiều thành tích cao.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng được tổ chức phong phú, rộng khắp trên toàn thành phố. Nâng cao chất lượng và số lượng các cuộc Hội thi, hội diễn liên hoan văn nghệ quần chúng các cấp.

Thư viện khoa học tổng hợp thành phố triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2023, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 01/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh đổi mới hoạt động của thư viện trong phát triển kỹ năng đọc, tiếp cận và xử lý thông tin cho thiếu nhi trên địa bàn thành phố.

Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao cơ sở trên địa bàn thành phố tiếp tục được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện, phát huy vai trò đối với đời sống xã hội, ngày càng hoàn thiện đã phát huy hiệu quả, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, là công cụ tích cực tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến quần chúng nhân dân; duy trì, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; thu hút mọi tầng lớp nhân dân đến tham gia hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí và các sinh hoạt xã hội khác góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội và củng cố tinh thần đoàn kết trong cộng đồng dân cư.

Phát triển đa dạng các loại hình, câu lạc bộ về văn hóa, thể thao cơ sở; duy trì, phát triển và đổi mới nội dung các liên hoan, hội thi, hội diễn văn hóa, văn nghệ, dân ca, dân vũ, phong trào thể dục, thể thao quần chúng, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Đồng thời, tạo điều kiện để nhân dân chủ động tham gia các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tổ chức các sinh hoạt văn hóa dân gian phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Đến nay, toàn

thành phố có hơn 2.500 câu lạc bộ, trong đó có nhiều câu lạc bộ duy trì các loại hình di sản văn hóa phi vật thể độc đáo của thành phố như: câu lạc bộ ca trù, câu lạc bộ hát Đúm, các phường rối nước, rối cạn... Tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, giao lưu văn hóa, văn nghệ. Với việc đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng đã góp phần xây dựng đời sống văn hóa vui tươi, an toàn, lành mạnh ở mỗi địa bàn dân cư.

Công tác gia đình trên địa bàn thành phố những năm qua cũng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện, góp phần quan trọng xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh từ mỗi gia đình. Mỗi gia đình trên địa bàn thành phố đã nhận thức và nâng cao trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, để gia đình thực sự là nơi nuôi dưỡng, hình thành nhân cách, đạo đức trong sáng; giáo dục truyền thống gia đình, nếp sống văn hóa và chuẩn mực ứng xử cho các công dân.

d. Về thông tin:

Triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về Nghị quyết số 42-NQ/TW, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trong giai đoạn mới; Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” như đất đai, kinh doanh bất động sản, y tế... trên Cổng tin tức thành phố, Fanpage Facebook chính thức của thành phố đồng thời thường xuyên theo dõi và rà soát các thông tin trên mạng Internet đăng tải những nội dung liên quan đến việc chấp hành chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động và các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn qua các trang thông tin điện tử, diễn đàn, mạng xã hội Youtube, mạng xã hội Facebook.

Cổng Thông tin điện tử thành phố đã mở chuyên mục và đăng tải trung bình trong một năm hàng trăm tin, bài tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật quan trọng có tác động lớn đến xã hội như đất đai, kinh doanh, bảo hiểm xã hội, các chính sách về bảo hiểm xã hội hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh và các thông tin liên quan.

Thường xuyên, liên tục hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật quan trọng có tác động lớn đến đời sống xã hội tại địa phương, đơn vị; tuyên truyền nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/T; Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” nhằm vận động người dân tham gia thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tần suất trung bình 3-4 buổi/tuần.

đ. Về nhà ở:

Trong giai đoạn từ 2021 đến 2025, thành phố đã và đang triển khai đầu tư xây dựng 23 dự án nhà ở xã hội dành cho công nhân và đối tượng thu nhập thấp, quy mô khoảng 26.715 căn hộ (Phía Đông: 19 dự án, 23.848 căn; phía Tây 4 dự án, 2.867 căn). Trong đó:

- Giai đoạn 2021-2024: Đã hoàn thành tổng số 5.904 căn;
- Năm 2025: Đang tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng khoảng 20.811 căn; dự kiến đến hết năm 2025 sẽ hoàn thành, đủ điều kiện mở bán khoảng 11.900 căn. Hoàn thành chỉ tiêu Chính phủ giao là 10.694 căn.
- Giai đoạn 2026-2030: Chuẩn bị đầu tư, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030 đối với 25 dự án, quy mô khoảng 28.199 căn (Phía Đông: 20 dự án, 23.511 căn; phía Tây 5 dự án, 4.688 căn). Trong đó 14 dự án đã có nhà đầu tư với quy mô khoảng 15.639 căn; 11 dự án đang lựa chọn nhà đầu tư với quy mô khoảng 12.560 căn.

Như vậy, toàn thành phố đã, đang và sắp triển khai thực hiện 48 dự án nhà ở xã hội với tổng quy mô khoảng 54.914 căn, bằng 111 % so với chỉ tiêu Chính phủ giao (49.400 căn). Đây là cơ sở để thành phố phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu Chính phủ giao toàn giai đoạn 2021-2030, bảo đảm chính sách an sinh xã hội, giúp người có thu nhập thấp có cơ hội sở hữu nhà ở ổn định với giá cả phải chăng, nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo điều kiện cho họ an cư lập nghiệp.

e. Về nước sạch, vệ sinh môi trường:

Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 31/7/2024 về lãnh đạo thực hiện các giải pháp bảo đảm cấp nước sạch nông thôn; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các Kế hoạch: số 320/KH-UBND ngày 13/12/2023 về triển khai thực hiện các nội dung đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 về nước sạch nông thôn; số 219/KH-UBND ngày 17/9/2024 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 31/7/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về lãnh đạo thực hiện các giải pháp bảo đảm cấp nước sạch nông thôn.

Thành phố đã tập trung rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống cấp nước để thu hút doanh nghiệp đầu tư, nâng cấp công trình cấp nước sạch quy mô lớn, bảo đảm chất lượng cấp nước cho vùng phục vụ hiện trạng; tiếp tục thực hiện việc chấm dứt hoạt động đối với các nhà máy nước nông thôn không đảm bảo tiêu chí hoạt động bền vững, không phù hợp với quy hoạch theo lộ trình phù hợp với quy mô đầu tư, thời hạn thực hiện trong giai đoạn từ năm 2024 đến 2027; tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đường ống phân phối nước đến 100% hộ sử dụng nước trong vùng phục vụ theo thỏa thuận đã ký kết giữa các đơn vị cấp nước và Ủy ban nhân dân các xã, bảo đảm việc cấp nước vừa đủ về số lượng, áp lực, chất lượng và giảm thất thoát; xây dựng, phê duyệt

và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp thành phố và Kế hoạch cấp nước an toàn công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; xử lý dứt điểm tồn tại về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch nông thôn theo quy định; tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo vệ, cải thiện chất lượng nguồn nước trong các hệ thống thủy lợi cung cấp thô cho các nhà máy sản xuất, cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng nước thô đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT; thực hiện đầy đủ quy định về kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Thời điểm hiện tại, tỷ lệ hộ gia đình khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn cụ thể như sau: Trên địa bàn Đông Hải Phòng: 100% hộ dân sinh sống tại các khu dân cư tập trung được cấp nước từ các nhà máy nước tập trung; Trên địa bàn Tây Hải Phòng: 99,81% hộ dân khu vực nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn.

Thành phố đã đầu tư và vận hành 03 khu xử lý theo phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh cấp thành phố và 01 khu xử lý cấp huyện. Bên cạnh đó, có sự tham gia của khu vực tư nhân trong công tác xử lý rác thải gồm 01 nhà máy xử lý rác thải Minh Tân bằng phương pháp chôn lấp, 03 nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt (trong đó có 02 nhà máy xử lý bằng phương pháp đốt, 01 nhà máy xử lý bằng phương pháp đốt và phương pháp ủ mùn compost). Có sự tham gia của khoảng 31 doanh nghiệp và hợp tác xã vào công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3.6. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Thành phố đã triển khai hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ xã hội và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn thành phố đạt tiêu chuẩn theo quy định. Chú trọng xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết về pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp.

Rà soát, nghiên cứu cơ chế, chính sách hợp tác công - tư, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hoá, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

3.7. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Thành phố xúc tiến và vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam nhằm hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội trên địa bàn thành phố gồm 23 dự án với tổng giá trị cam kết 1.787.338 đô la Mỹ; một số dự án nổi bật:

- “Chương trình vùng Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng” do Tổ chức Tầm nhìn Thế giới tại Việt Nam nhằm cải thiện an sinh bền vững cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em dễ bị tổn thương nhất tại Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Giai đoạn 2022 – 2027, Tầm nhìn Thế giới tiếp tục tài trợ Chương trình với tổng giá trị viện trợ là 1.575.000 đô la Mỹ tương đương 36.497.475.000 đồng tại 07 phường trên địa bàn Phường Ngô Quyền (Quận Ngô Quyền cũ), thành phố

- Dự án “Hỗ trợ gia đình đa văn hoá Việt - Hàn và phụ nữ Việt Nam có nhu cầu di cư sang Hàn Quốc theo diện kết hôn” do Tổ chức Cooperation and Participation In Overseas NGOs (COPION) tài trợ với tổng ngân sách dự kiến khoảng 866.544.000 KRW (tương đương 647.428 đô la Mỹ), nhằm mục tiêu hỗ trợ nâng cao khả năng tự lập về kinh tế cho các gia đình đa văn hóa Việt Hàn trên địa bàn, nâng cao nhận thức và hiểu biết cho con em gia đình đa văn hóa Việt Hàn, giúp phụ nữ hội hương, con cái của gia đình Việt – Hàn và các thành viên của gia đình Việt Hàn giải quyết những khó khăn về pháp luật, tâm lý...

- Dự án “Nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ em thiệt thòi ở Việt Nam” do Tổ chức Cứu trợ trẻ em quốc tế tài trợ với ngân sách dự án năm 2024 là 78.550 đô la Mỹ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và môi trường học tập tại nhà cho trẻ em từ 3-11 tuổi tại Việt Nam, đặc biệt là trẻ em chịu ảnh hưởng nhiều nhất của bất bình đẳng và phân biệt đối xử.

- Khoản viện trợ “Cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả cơn bão số 3 năm 2024 cho các hộ gia đình tại Thành phố Hải Phòng” do Tập đoàn LS (Hàn Quốc) và Tổ chức Cooperation and Participation in Overseas NGOs Hàn Quốc (COPION) tài trợ nhằm giúp đỡ kịp thời cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão số 3 năm 2024 tại thành phố Hải Phòng sớm ổn định cuộc sống với tổng giá trị viện trợ là 4 tỷ đồng tương đương với 160.000 đô la Mỹ...

- Đối với công tác chăm sóc người có công, trong nhiều năm qua, vẫn duy trì, tích cực vận động tổ chức Hội Hoa trắng (Cộng hòa Pháp) nhận bảo trợ cho 39 trường hợp con/cháu nạn nhân chất độc da cam/dioxin trên địa bàn thành phố.

Bên cạnh việc vận động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Thành phố đã tích cực vận động các Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài như Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản – chi nhánh Hải Phòng, Hiệp hội doanh nghiệp Hàn

Quốc tại Hải Phòng, Hội người Hàn thành phố cùng Kiều bào Hải Phòng tại nước ngoài tham gia vào các hoạt động phát triển giáo dục, hỗ trợ các chương trình, hoạt động an sinh xã hội trên địa bàn thành phố.

3.8. Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thực hiện chính sách xã hội

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp nhất là người đứng đầu; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị tạo sự thống nhất cao trong việc thực hiện các chương trình, chính sách đối với người có công và bảo đảm an sinh xã hội.

Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chính sách xã hội trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực xã hội, nhất là ở cấp cơ sở; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để phòng ngừa, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực trong công tác quản lý, triển khai thực hiện các chính sách người có công và đảm bảo an sinh xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên tuyên truyền, nắm dư luận Nhân dân, đề xuất, kiến nghị và phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Phối hợp vận động các nguồn lực và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội. Tăng cường các hoạt động giám sát và phản biện xã hội về thực hiện chính sách xã hội.

II. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Việc thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội nhằm phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 42-NQ/TW và Nghị quyết 68/NQ-CP của thành phố cơ bản triển khai toàn diện và đạt được nhiều kết quả tích cực. Hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ tại các chương trình về giảm nghèo, việc làm và dạy nghề, y tế, giáo dục; người lao động có nhiều cơ hội lựa chọn việc làm, nghề nghiệp phù hợp; thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, chính sách đối với người nghèo, các chính sách trợ giúp xã hội; các quyền của trẻ em được bảo đảm; khoảng cách giới dần thu hẹp, phụ nữ và trẻ em gái được tham gia bình đẳng trên các lĩnh vực...

2. Hạn chế, khó khăn và vướng mắc

2.1. Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường

Hộ nghèo phần lớn là hết độ tuổi lao động, chủ yếu là đối tượng bảo trợ xã hội, không có khả năng lao động (đặc biệt là về cuối giai đoạn) nên chính sách cho vay vốn lãi suất ưu đãi để phát triển sản xuất chưa phát huy hiệu quả.

Công tác quản lý và thực hiện vệ sinh môi trường ở một vài địa phương chưa quyết liệt, nguy cơ ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường, để tự phát bãi rác nhỏ lẻ, nhất là ở khu vực giáp ranh, ít dân cư. Quản lý dịch vụ công ích khu vực nông thôn không đồng bộ; trang thiết bị, phương tiện thực hiện dịch vụ phần lớn là hoán cải, tự chế; nguồn kinh phí đầu tư cho việc đóng cửa, cải tạo, nâng cấp bãi rác không hợp vệ sinh còn hạn chế. Phương thức xử lý chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu vẫn đang là chôn lấp.

2.2. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

Công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ đã đạt chuẩn nhưng chưa bền vững, còn có tình trạng học sinh bỏ học, chất lượng giáo dục còn hạn chế ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Một bộ phận nhân dân còn có thái độ trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Một số trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả chưa cao, nội dung còn đơn điệu, chưa đa dạng hình thức; trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nhiều khó khăn. Cán bộ quản lý kiêm nhiệm còn hạn chế về năng lực quản lý, kỹ năng tổ chức. Đội ngũ giáo viên tại các cơ sở giáo dục tham gia công tác viên của trung tâm chưa nhiều, do biên chế các trường học còn chưa đủ theo định mức. Hệ thống các cơ sở GDNN vẫn chưa thực sự thay đổi theo kịp với yêu cầu của thị trường. Cơ cấu đào tạo còn bất hợp lý về trình độ, ngành nghề đào tạo. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của thành phố còn thấp; tỷ lệ tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp thấp (chỉ chiếm khoảng 18% trong tổng số tuyển sinh GDNN), trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng chiếm khoảng 82%; chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực kỹ thuật chất lượng cao cho sản xuất và thị trường lao động của thành phố. Kết quả tuyển sinh, số lượng đào tạo chưa đạt quy mô được cấp của các cơ sở GDNN (hiện nay chỉ đạt khoảng 62%); chất lượng đào tạo nghề nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động về tay nghề và các kỹ năng mềm như tác phong công nghiệp, kỹ năng làm việc theo tổ, nhóm... chưa đào tạo và hình thành được nguồn lao động có trình độ và có tay nghề cao.

2.3. Lĩnh vực Nội vụ

Công tác tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn gặp khó khăn, cụ thể: tại các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn thành phố còn phần mộ liệt sĩ khuyết thông tin như có tên hoặc thiếu tên, thiếu một hoặc nhiều thông tin để xác định chính xác nhân thân liệt sĩ... dẫn đến khó nói thông tin, dữ liệu đầy đủ để xác định được danh tính liệt sĩ còn nhiều khó khăn. Công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ phương pháp giám định ADN khó khăn về nguồn mẫu; phương pháp xác định thông tin hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng thông tin bị sai lệch, do vậy ảnh hưởng nhiều đến tiến độ, thời gian.

3. Nguyên nhân

3.1. Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường

Sự quyết tâm vào cuộc của chính quyền tại một vài địa phương chưa quyết liệt; vì vậy, kết quả triển khai thực hiện phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại một số địa bàn có lúc, có nơi còn hạn chế, chưa bền vững, còn mang tính phong trào. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm chưa ngăn chặn được tình hình vi phạm về quản lý chất thải rắn. Nguồn chi phí để thực hiện các nhiệm vụ về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 rất lớn (phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, đầu tư mới/cải tạo điểm tập kết, trạm trung chuyển; cải tạo, nâng cấp bãi rác tạm; đóng cửa các bãi rác tạm...) trong khi ngân sách địa phương có hạn.

3.2. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

Hoạt động của ban chỉ đạo xã hội học tập ở một số nơi còn hạn chế, nhất là trong công tác tham mưu giúp cấp uỷ đảng, chính quyền về xây dựng xã hội học tập. Việc hỗ trợ kinh phí theo Thông tư 96/2008/TT-BTC của Bộ Tài Chính ở một số địa phương còn khó khăn nên chưa đáp ứng với nhu cầu hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng.

Nhận thức của xã hội về giáo dục nghề nghiệp (GDNN) chưa đầy đủ, người lao động chưa nhận thức đúng về lợi ích của học nghề; nhiều tổ chức, cá nhân đề cao tư tưởng bằng cấp, chưa chú trọng đến kỹ năng nghề nghiệp; có sự cạnh tranh quyết liệt trong thu hút sinh viên giữa các trường đại học và các trường nghề. Mạng lưới cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố còn nhiều bất cập, ngành nghề và cấp trình độ đào tạo trùng lặp, chồng chéo; một số ngành, nghề phục vụ các lĩnh vực có thế mạnh, mang tính đột phá của thành phố như: dịch vụ cảng biển, logistics, tài chính, xuất nhập khẩu, điện gia dụng, điện tử viễn thông... chưa tổ chức đào tạo. Năng lực đào tạo của nhiều cơ sở còn hạn chế, nhìn chung các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo nhà giáo GDNN, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; chương trình, giáo trình; phương pháp đào tạo chậm được đổi mới dẫn đến thiếu hụt lao động, nhất là lao động có tay nghề cao ở những nhóm nghề này trong khi nhu cầu tuyển dụng lớn, thu nhập cao. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN còn hạn chế, ít dự án đầu tư cho GDNN bằng nguồn vốn của nước ngoài. Việc hợp tác liên doanh, liên kết đào tạo GDNN còn yếu (chủ yếu là cử cán bộ, nhà giáo sang học tập, chia sẻ kinh nghiệm).

3.3. Lĩnh vực Nội vụ

Hiện nay, việc xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo 02 phương pháp (1) xác định danh tính hài cốt liệt sĩ phương pháp giám định ADN khó khăn về nguồn mẫu, mẫu sinh phẩm hài cốt liệt sĩ qua nhiều năm không còn hoặc mẫu xấu; nguồn mẫu từ thân nhân liệt sĩ yêu cầu là dòng họ ngoại liệt sĩ, nhiều trường hợp không còn thân nhân để lấy mẫu giám định ADN

theo quy định, (2) phương pháp xác định thông tin hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng qua thông tin từ đồng đội, đơn vị, thân nhân liệt sĩ, người thờ cúng liệt sĩ và nơi quy tập hài cốt liệt sĩ, kết quả cung cấp thông tin bị sai lệch nhiều so với thông tin trong hồ sơ dẫn đến phải mất thời gian kết nối, rà soát hồ sơ lưu để cập nhật thêm thông tin, do vậy ảnh hưởng nhiều đến tiến độ, thời gian lập phiếu, kết quả thu nhận phiếu.

III. Định hướng, nhiệm vụ, giải pháp 2026-2030

1. Quan điểm

Quán triệt sâu sắc, hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 73-CTr/TU gắn với thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị và Nhân dân về đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

2. Mục tiêu

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội của thành phố theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội của thành phố đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 73-CTr/TU, làm cơ sở để các phòng, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả, gắn với thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và Chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo trên cơ sở tăng định mức, mở rộng đối tượng, trực tiếp tác động đến mỗi thành viên hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong việc tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản. Tăng cường đầu tư nguồn lực cho công tác dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo, dạy nghề phù hợp với nhu cầu, yêu cầu của thị trường lao động,

phù hợp với trình độ, điều kiện của người nghèo, dạy nghề phải gắn với tạo việc làm, tạo thu nhập, dạy có địa chỉ, liên kết với doanh nghiệp, với cơ sở sản xuất kinh doanh để dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho người nghèo; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xuất khẩu lao động cho đối tượng nghèo phù hợp với tình hình, yêu cầu mới.

- Chủ động phân cấp, trao quyền cho cấp xã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, dự án giảm nghèo tại địa phương. Các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn địa phương tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cho cơ quan quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Có chính sách huy động vốn trong Nhân dân, các doanh nghiệp đầu tư vào giảm nghèo. Gắn trách nhiệm của người nghèo khi được cấp vốn hoặc các nguồn lực để sản xuất kinh doanh, quy định thời hạn thụ hưởng các chính sách, nhằm tăng cơ hội tiếp cận chính sách và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo.

- Phân đầu hoàn thành mục tiêu 100% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đạt quy chuẩn; hoàn thành việc chấm dứt hoạt động đối với các nhà máy nước không đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn. Tiếp tục thực hiện các giải pháp theo các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt thể chế hóa chương trình, kế hoạch, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ đảng viên, tổ chức đảng, người chỉ huy.

- Kết hợp đa dạng nhiều hình thức biện pháp tuyên truyền chính sách xã hội, mỗi cán bộ là một hạt nhân trong công tác truyền. Nêu cao tính tiên phong gương mẫu, đề cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy cần mẫn trong thực hiện các vấn đề chính sách xã hội.

- Thực hiện tốt các chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi.

- Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, cơ quan BHXH thành phố tham mưu, đề xuất xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện hiệu quả các chế độ, chính sách BHXH, BHYT, BHTN.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ

- Qua 04 năm thực hiện Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng đã đem lại nhiều thuận lợi trong giải quyết chính sách đối với người có công và thân nhân; tuy nhiên, trong quá trình triển khai còn có nội dung chưa phù hợp, cụ thể gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện; đề

xuất, kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; Nghị định số 75/2021/NĐ-CP và Nghị định số 55/2021/NĐ-CP; đồng thời, đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật khác có liên quan, như Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch.

- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành chuẩn nghèo giai đoạn 2026-2030.

2. Với Bộ, ngành Trung ương

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm ban hành các văn bản hướng dẫn về: (1) Hướng dẫn cụ thể quy trình, kỹ thuật thực hiện cải tạo, nâng cấp và xử lý ô nhiễm môi trường tại các bãi chôn lấp rác thải không hợp vệ sinh, các khu vực bị ô nhiễm do rác thải gây ra, đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường (2) Hướng dẫn về công nghệ áp dụng hiện có tốt nhất được áp dụng trên thế giới để lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; (3) Hướng dẫn phương pháp, tiêu chí đánh giá để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư phát triển dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung; nghiên cứu hướng dẫn thực hiện hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong đó thời điểm ký kết hợp đồng, thời gian ký kết, giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt và cung cấp lượng rác tối thiểu vào nhà máy; đảm bảo khả thi.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm có chỉ đạo, tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 và chuẩn giai đoạn 2026-2030.

- Đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất chế độ, chính sách, bảo đảm cho nhiệm vụ xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; chính sách hỗ trợ đối với thân nhân liệt sĩ được phép đi lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; xây dựng lộ trình, kế hoạch xác minh, kết luận thông tin mộ liệt sĩ còn thiếu thông tin trong các nghĩa trang liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng; đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu về liệt sĩ trên các website: www.thongtinlietsi.gov.vn; www.chinh sach quao doi.gov.vn; giải mã phiên hiệu đơn vị trong chiến tranh để xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Nghị quyết 68/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu

cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới tại thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng kính báo cáo Bộ Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- Các PCT UBND TP;
- Các Sở: NV, NgV, YT, GD&ĐT, XD, VHTTDL;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- CVP, PCVP Tr.V.Thiện;
- Phòng NVKTGS;
- Lưu: VT, N.T.Thủy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Hùng

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRONG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA
CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 42-NQ/TW
(Kèm theo Báo cáo số BC-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết		Kết quả	
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	2024	2025 (dự kiến)
1	Ưu đãi NCC với cách mạng					
	Tỉ lệ người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú	%	-	100	80	85
2	Lao động, việc làm, phát triển thị trường lao động					
	Tỉ lệ thất nghiệp chung	%	< 3	< 3	1,76	1,75
	Tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	< 4	< 4	3	2,5
	Tỉ lệ việc làm phi chính thức	%	< 60	< 40	48	<50
	Tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	25	< 20	10,9	10,5
	Tỉ lệ lao động nữ làm công hưởng lương	%	50	60	-	-
	Tỉ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động có việc làm	%	40	50	-	-
3	Phát triển nguồn nhân lực					
	Chỉ số HDI		> 0,7	> 0,7	-	-
	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	28-30	35-40	36	36,5
	Tỉ lệ lao động có các kĩ năng công nghệ thông tin	%	80	90	-	-
	Tỉ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp	%	35	40	-	-
	Tỉ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp	%	30	40	37	37,5
4	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế					
	Tỉ lệ LLLĐ trong độ tuổi tham gia BHXH	%	45	60	54,6	55
	Tỉ lệ nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện trong LLLĐ trong độ tuổi	%	2,5	5	4	5
	Tỉ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	%	55	60	58	60
	Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH	%	85	90	84	85
	Tỉ lệ LLLĐ trong độ tuổi tham gia BHTN	%	35	45	47,27	48

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết		Kết quả	
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	2024	2025 (dự kiến)
	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	> 95	94,17%	95%
	Tỉ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia BHYT	%	98	-	-	-
	Hỗ trợ bảo hiểm y tế cho trẻ em	Bậc học	Tiểu học	THCS	100	100
	Tỉ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	> 80	> 90	-	-
	Tỉ lệ lao động là người khuyết tật có giấy xác nhận khuyết tật được hỗ trợ BHYT	%	60	100	-	-
	Tỉ lệ người cao tuổi tham gia bảo hiểm y tế	%	98	100	100	100
5	Trợ giúp xã hội và giảm nghèo					
	Tỉ lệ dân số được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng	%	3,5	4	3,8	3,8
	Tỉ lệ đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời	%	100	100	100	100
	Tỉ lệ hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100	-	-
	Tỉ lệ phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100	-	-
	Tỉ lệ người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100	-	-
	Tỉ lệ người có hoàn cảnh khó khăn, người có thu nhập thấp được đảm bảo mức sống tối thiểu	%	-	100	-	-
	Tỉ lệ hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100	100 (Phía Đông HP)	100
	Tỉ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp	%	90	95	-	-
	Tỉ lệ người nghèo, người có công với cách mạng, đối tượng chính sách và người yếu thế thuộc diện người được trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	%	-	99	-	-
	Mức giảm tỉ lệ hộ nghèo đa chiều hàng năm	%/năm	1-1,5	-	0,32% phía Đông 0,38% phía Tây	0,28%
	Trong đó, các huyện nghèo	%/năm	4 - 5	-	-	-
	Mức giảm tỉ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số	%/năm	> 3	-	-	-
	Tỉ lệ huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn	%	30	-	-	-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết		Kết quả	
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	2024	2025 (dự kiến)
	vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn					
	Mức tăng thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo so với năm 2021	Lần	2	-	-	-
	Tỉ lệ người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong những dịch vụ hỗ trợ cơ bản	%	80	90	-	-
	Tỉ lệ người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn	%	50	70	-	-
	Tỉ lệ cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	%	70	100	-	-
	Tỉ lệ đối tượng gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác được trợ giúp kịp thời	%	100	100	100	100
	Tỉ lệ người dân có nhu cầu được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp	%	50	100	50	60
	Tỉ lệ người cao tuổi có nhu cầu và khả năng lao động có việc làm, được đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp	%	50	70	-	-
	Số người làm công tác xã hội/1000 dân	Người	-	>= 2	<2	<2
6	Giáo dục					
	Tỉ lệ số tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi	%	-	100	100	100
	Tỉ lệ huy động trẻ em nhà trẻ	%	30-35	35-40	45,9	46
	Tỉ lệ huy động trẻ em mẫu giáo	%	95	95- 97	98,5	99
	Tỉ lệ trẻ em mầm non được học 2 buổi/ngày	%	99,5	99,5	100	100
	Tỉ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	%	60	> 60	79,85	81,5
	Tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học	%	-	> 99,5	99,96	99,96
	Tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học cơ sở	%	-	> 95	99,72	99,78
	Tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học phổ thông và tương đương	%	-	> 75	97,66	97,8
	Tỉ lệ tỉnh, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	%	70	> 90	100	100
	Tỉ lệ hoàn thành cấp tiểu học	%	-	99	98	99
	Tỉ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở	%	-	99	99,23	99,31
	Tỉ lệ hoàn thành cấp trung học phổ thông	%	-	97	98,37	98,68
	Tỉ lệ trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục	%	80	90	87,26	89,92

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết		Kết quả	
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	2024	2025 (dự kiến)
7	Y tế					
	Mức sinh thay thế (Quốc gia)	Mức độ	-	Bảo đảm vững chắc	-	-
	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	74,5	75	-	-
	Số năm sống khỏe	Năm	67	68	-	-
	Chỉ tiêu số lượng trên 10.000 dân					
	Số giường bệnh	Giường	30	35	40	40,5
	Số bác sỹ	người	10	19	14	14,46
	Số dược sỹ	người	-	4	2,5	2,5
	Số điều dưỡng viên	người	-	33	26,9	26,9
	Tỉ lệ người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả	%	-	> 95	91	92
	Tỉ lệ người dân được quản lý sức khỏe	%	-	> 95	90	> 90
	Tỉ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế	%				
-	Tỉ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ ≥ 4 lần /3 chu kỳ	%	95	> 95	96,2	95
-	Tỉ lệ phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế	%	100	100	100	100
	Tỉ lệ tiêm chủng mở rộng với 14 loại vắc xin	%	-	95	-	-
	Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	-	< 15	16,3	< 16
	Chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét	Mức độ	-	Giải quyết cơ bản		
-	Không chế tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư	%	< 0,3	< 0,3	0,29	< 0,3
-	Số ca mắc mới sốt rét	Trên 100.000 dân	< 0,01	< 0,01	0	< 0,01
-	Số ca mắc mới Lao	Trên 100.000 dân	-	-	82	82
	Tỉ lệ người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế	%	75	72	73	72
	Tỉ lệ trẻ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện, can thiệp sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và can thiệp sớm các dạng khuyết tật	%	70	80	-	-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết		Kết quả	
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	2024	2025 (dự kiến)
	Tỉ lệ người cao tuổi được chăm sóc sức khỏe ban đầu kịp thời, khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe	%	90	100	-	-
	Tỉ lệ người cao tuổi khi ốm đau, dịch bệnh được khám chữa bệnh và được hưởng sự chăm sóc của gia đình và cộng đồng	%	100	100	100	100
8	Phát triển văn hóa và thông tin, truyền thông					
	Tỉ lệ người dân được xem các kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương		-	-	100	100
	Vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo	%	80	80	-	-
	Các vùng còn lại	%	100	100	-	-
	Tỉ lệ các chương trình thời sự và bản tin phát sóng truyền hình có ngôn ngữ ký hiệu	%	50	80	-	-
	Tỉ lệ dân số được phủ sóng di động	%	100	100	100	100
	Tỉ lệ xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo có hệ thống đài truyền thanh hoạt động	%	100	100	100	100
	Tỉ lệ xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu	%	100	100	100	100
	Tỉ lệ xã được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	%	100	100	100	100
	Tỉ lệ xã đạt chuẩn tiêu chí số về thông tin và truyền thông theo Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao	%	>60	100	- Tây Hải Phòng: 50% - Đông Hải Phòng: 100%	- Tây Hải Phòng: >60% - Đông Hải Phòng: 100%
9	Nhà ở					
	Xây dựng căn hộ nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp	Căn hộ	10.694	49.400	3.662	11.900
	Xóa bỏ tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho các đối tượng	Mức độ	Giải quyết cơ bản	Xóa bỏ hoàn toàn	Giải quyết cơ bản	Giải quyết cơ bản
	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m2 sàn/người	27	30	30,2	31
	Thành thị	m2 sàn/	28	32	32,8	33,5

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết		Kết quả	
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	2024	2025 (dự kiến)
		người				
	Nông thôn	m2 sàn/người	26	28	28,7	29,6
	Tỉ lệ nhà ở kiên cố	%	-	85-90	99,9	99,9
	Thành thị	%	-	100	100	100
	Nông thôn	%	-	75-80	99,8	99,8
	Tỉ lệ nhà ở có hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước thải đồng bộ và được đấu nối vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực	%	-	90	90	90
10	Nước sạch, vệ sinh môi trường					
	Tỉ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn					
	Thành thị	%	-	100	100%	100%
	Nông thôn	%	-	80	100% phía Đông 99,81% phía Tây	100%
	Tỉ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh				-	-
	Thành thị	%	85	-	-	-
	Nông thôn	%	>95	-	-	-
	Tỉ lệ hộ gia đình có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	-	100	-	-
	Tỉ lệ trường học có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	85	100	-	-
	Tỉ lệ trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	-	100	-	-
	Tỉ lệ điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	%	-	25	-	-
	Tỉ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý	%	-	15	-	-
	Tỉ lệ hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi	%	-	75	-	-

Phụ lục II
DANH MỤC VĂN BẢN BAN HÀNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT 68/NQ-CP
CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 42-NQ/TW

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp ban hành	Thời gian ban hành	Loại văn bản
1	Chương trình hành động số 73-CTr/TU của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng	Thành ủy Hải Phòng		Thành phố	08/5/2024	Chương trình hành động
2	Kế hoạch số 195-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương	Tỉnh ủy Hải Dương		Tỉnh	29/01/2024	Kế hoạch
3	Kế hoạch số 146/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng	UBND thành phố		Thành phố	24/6/2024	Kế hoạch
4	Kế hoạch số 2120/KH-UBND	UBND tỉnh		Tỉnh	07/6/2024	Kế hoạch
5	Chương trình hành động số 978/CTr-UBND	UBND tỉnh		Tỉnh	213/2024	Chương trình hành động